

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 122/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 02 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Xử lý khẩn cấp sạt lở khu vực bãi sông đoạn từ K49+300 ÷ K49+430 đê hữu Cầu, thành phố Bắc Ninh

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Báo cáo số 02/SKHĐT-BC.QLN ngày 12/01/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v thẩm định Dự án ĐTXD công trình: Xử lý khẩn cấp sạt lở khu vực bãi sông đoạn từ K49+300 ÷ K49+430 đê hữu Cầu, thành phố Bắc Ninh.

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 33/TTr-BDA ngày 17/01/2024.



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Xử lý khẩn cấp sạt lở khu vực bãi sông đoạn từ K49+300 ÷ K49+430 đê hữu Cầu, thành phố Bắc Ninh, với những nội dung như sau:

**1. Tên dự án:** Đầu tư xây dựng công trình Xử lý khẩn cấp sạt lở khu vực bãi sông đoạn từ K49+300 ÷ K49+430 đê hữu Cầu, thành phố Bắc Ninh.

**2. Nhóm dự án, phân loại và phân cấp công trình**

- Dự án nhóm C.
- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, công trình đê điều.
- Cấp công trình: cấp III.

**3. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh.

**4. Nhà thầu tư vấn lập dự án:** Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng và thương mại Thăng Long.

**5. Địa điểm xây dựng:** Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**6. Mục tiêu đầu tư**

- Chống xói lở, sạt lở bờ, giữ ổn định bờ sông đoạn từ K49+300 ÷ K49+430 đê hữu Cầu từ đó bảo vệ an toàn cho khu vực dân cư Vạn Phúc thuộc phường Vạn An, thành phố Bắc Ninh.

- Nâng cao chất lượng các công trình chống lũ, tăng cường năng lực phòng tránh, khắc phục hiệu quả ứng phó kịp thời với diễn biến thời tiết bất thường trong mùa mưa bão năm 2024 và các năm tiếp theo.

- Không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát lũ, giao thông thủy, các công trình đã có trong khu vực.

**7. Quy mô đầu tư, xây dựng**

Xử lý sạt lở bờ bãi sông đoạn từ K49+300÷K49+430 đê hữu Cầu, thành phố Bắc Ninh với chiều dài 180,0m như sau: Chân tường mái phía ngoài sông thả đá rời tạo lăng thể chống xói, hệ số mái  $m=2$ , hộ chân bằng rọ đá bề rộng đỉnh 2,0m. Tường đứng kết cấu BTCT M250, móng gia cố bằng cọc khoan nhồi D600 bê tông cốt thép M300. Gia cố mái nghiêng kè bằng tấm lát bê tông đúc sẵn M200, trong hệ khung dầm BTCT M250. Phần trên đỉnh kè làm đường quản lý kết hợp dân sinh bằng BTCT M250, dầm đỉnh BTCT M250, lắp lan can BTCT đúc sẵn và xây dựng các công trình phụ trợ: Hệ thống điện sinh hoạt, chiếu sáng, cấp, thoát nước.

**8. Giải pháp thiết kế chủ yếu**

- Phần đá thả rời: Thả đá rời đến cao trình (-1.00) tạo thành chân kè chống xói lở, giữ ổn định mái kè, hệ số mái chân kè  $m=2,0$ . Tại cơ cao trình (-1.00) xếp các rọ đá, chiều rộng cơ  $B=2,0m$ .

- Phần tường kè: Kết cấu Bê tông cốt thép M250, chia thành các đơn nguyên:

+ Phần chân tường rộng 3,0m, dày 50cm, xử lý nền móng đơn nguyên bằng 02 hàng cọc BTCT M300 khoan nhồi  $\phi 600$ , dài  $L=14,0m$ : Hàng cọc phía ngoài sông gồm 02 cọc, hàng cọc phía trong gồm 03 cọc.

+ Phần thân tường: Thân tường cao 2,0m, rộng từ  $(30\div 60)cm$ , cao trình đỉnh tường (+1.00), trên thân tường bố trí 02 hàng lỗ thoát nước bằng ống nhựa PVC  $\phi 50$ , phía trong bố trí tầng lọc ngược.

- Mái kè cấu kiện bê tông đúc sẵn M200, kích thước  $(40 \times 40)cm$ , dày 16cm, đặt trên lớp đá dăm  $(1 \times 2)cm$ , dày 10cm và lớp vải lọc địa kỹ thuật trong hệ khung dầm BTCT M250. Hệ khung dầm BTCT: Dầm chân tiết diện  $B \times H = (30 \times 35)cm$ ; dầm giữa tiết diện  $B \times H = (30 \times (50 \div 60))cm$ ; dầm ngang tiết diện  $B \times H = (25 \times 30)cm$ , dầm đỉnh tiết diện  $B \times H = (25 \times 50)cm$ , hệ số mái kè  $m=2,0$ . Trên mái kè bố trí các bậc lên xuống, kết cấu: Bản trượt BTCT M250, dày 15cm; bậc thang gạch xi măng M100, VXM M75, trát bậc VXM M75 dày 1,5cm.

- Chiều rộng đỉnh kè  $B_m=3,5m$ , gồm: Đường quản lý BTCT M250, dày 20cm trên lớp nilon tái sinh và rãnh tập trung nước (bố trí giữa đường) có kích thước  $B \times H=(0,5 \times 0,72)$ , bố trí hố ga thu và rãnh thoát nước xuống sông.

- Hệ thống công trình phục vụ thi công gồm: Hai hàng cừ larsen IV dài 12m phía ngoài sông, cao trình đỉnh cừ là +1,5m; Một hàng cừ larsen IV dài 12m cách mép nhà dân 1,2m.

- Dịch chuyển hệ thống đường cấp điện sinh hoạt, chiếu sáng, cấp nước.

**10. Tổng mức đầu tư: 52.024.707.000 đồng** (Bằng chữ: Năm mươi hai tỷ, không trăm hai mươi tư triệu, bảy trăm linh bảy nghìn đồng).

Trong đó:

|                                   |                       |
|-----------------------------------|-----------------------|
| - Chi phí xây dựng:               | 31.732.755.000        |
| - Chi phí quản lý dự án:          | 786.393.000           |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 2.501.961.000         |
| - Chi phí khác:                   | 2.274.079.000         |
| - Chi phí GPMB (dự kiến):         | 10.000.000.000        |
| - Chi phí dự phòng:               | 4.729.519.000         |
| <b>Tổng cộng (làm tròn):</b>      | <b>52.024.707.000</b> |

**11. Nguồn vốn đầu tư:** Nguồn vốn dự phòng ngân sách tỉnh.

**12. Thời gian thực hiện dự án:** Hoàn thành trước ngày 30/4/2024

**13. Hình thức quản lý dự án:** Theo quy định của pháp luật.



**Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan:** Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND thành phố Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vương Quốc Tuấn**